TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Võ Hoàng Vũ**

2/ Bà **Phạm Thị Thiện**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 618/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **P**, sinh năm 1985 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường P, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường P, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà P trình bày: Bà và ông T tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/HT.2008, quyển số 1 ngày 01/01/2008.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẽ cho nhau. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc cho nhau để xây dựng

một mái ấm gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông T;

+ Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu là T1 (nữ), sinh ngày: 22/8/2010 và cháu Đ (nam), sinh ngày: 21/9/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Chia tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại khu dân cư B, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02858 do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 02/12/2010).

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông T: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T cấp dưỡng và không yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận. Sau này nếu có khởi kiện thì hai ông bà sẽ tranh chấp thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà P và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống bà P và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – Ông T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 03 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà P và các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà P, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên gây cải nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Ngoài ra, từ khi bà sinh người con thứ hai thì ông T có người phụ nữ bên ngoài. Mặc dù được gia đình hai bên cũng như bà tha thứ, khuyên bảo tạo điều kiện cho ông T sửa đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt hiệu quả. Ông T nhiều lần hứa sửa đổi nhưng không thực hiện, dẫn đến việc bà và ông T đã ly thân với nhau từ năm 2016. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, mong muốn được ly hôn.

Mặt khác, ông T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa ông T và bà P đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Có hai cháu là cháu là T1 (nữ), sinh ngày: 22/8/2010 và cháu Đ (nam), sinh ngày: 21/9/2016.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Xét cháu T1 và Đ được bà P nuôi dưỡng từ khi sinh ra, đồng thời ông T đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến phiên tòa cũng như không có văn bản nêu rõ ý kiến của mình trước yêu cầu của bà P. Hiện tại, 02 cháu đang sinh sống với bà P, đồng thời tại Biên bản ghi ý kiến ngày 19/6/2018 thì các cháu T1 đều có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Đ hiện tại dưới 36 tháng tuổi. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì việc giao cháu T1, cháu Đ cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp.

Do bà P trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu nên dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng*: Do bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 02 con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tại phiên tòa hôm nay bà P không yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P về việc ly hôn với ông T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P được ly hôn với ông T.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu T1 (nữ), sinh ngày: 22/8/2010 và cháu Đ (nam), sinh ngày: 21/9/2016. Hai cháu sẽ do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà P chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007837 ngày 28/5/2018. Bà P được nhận lại 8.750.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng